TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2021
v/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2020/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Cảnh Q - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh L - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Cảnh N - Sinh năm: 1965 (Có mặt)

Và bà Lê Thị H - Sinh năm: 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Cảnh Q trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Thanh L kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Thọ (cũ), huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã thuận tình ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 319/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định nêu trên thì về tài sản chung ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà L có tạo lập được tài sản chung là ngôi nhà có diện tích 91,5 m^2, gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H ở địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 142,3 m^2 (trong đó đất ở là 80 m^2, đất trồng cây hàng năm khác 62,3 m^2). Ông đồng ý với kết quả của chứng thư thẩm định giá đối với Tổng giá trị tài sản chung là 202.501.507 đồng.

Nguồn gốc đất ban đầu là của ba mẹ ông là ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ, không phải là tài sản chung của ông và bà L . Năm 2004 do nghe có thông tin quy hoạch giải tỏa đất nên ba, mẹ ông tách thửa để ông đứng tên. Ngày 24/02/2004, UBND huyện Hòa Vang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ119589 cho hộ Lê Cảnh Q đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12; diện tích đất là 135 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở, còn lại là đất vườn); tọa lạc tại địa chỉ xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang (cũ), thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 15, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thể hiện cấp cho hộ Lê Cảnh Q (nhưng thực tế lúc đó chỉ có mình ông vì thời điểm này ông chưa kết hôn với bà L). Ngày 06/9/2004, ông và bà L đăng ký kết hôn. Đến năm 2009, ông và bà L đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ khác. Việc xây dựng không có giấy phép xây dựng. Ngôi nhà trên khi xây dựng có lấn qua phần đất của cha mẹ ông là ông Nam và bà Huệ diện tích khoảng 9 m^2, phần chiều rộng ngôi nhà đã lấn qua đất của cha mẹ ông là 0,5 m. Khoảng cuối năm 2018, ông và ba mẹ ông làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng do chồng thửa nên không thực hiện được. Đến khoảng tháng 8/2019 thì ông và bà L tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ba mẹ là ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ. Tháng 10/2019 thì ông và bà L ly hôn. Đến ngày 11/3/2020, ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H được Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay đổi từ thửa 417 thành thửa 233, tờ bản đồ số 65; diện

tích đất: 142,3 m^2 (trong đó đất ở là: 80m^2, đất trồng cây hằng năm khác: 62,3 m^2) tọa lạc tại: Tổ 15, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Nay ông yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50, cụ thể ông nhận quyền sở hữu ngôi nhà và thối trả lại bà Trần Thị Thanh L nhận 50% giá trị tài sản chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50 và ông đồng ý giao ngôi nhà và các công trình phụ khác lại cho ba mẹ ông sở hữu và ba mẹ ông thối trả lại cho ông và bà L mỗi người 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng.

** Tại bản tự khai đề ngày 14/7/2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Thanh L trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Cảnh Q về thời gian kết hôn và ly hôn và tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Khoảng tháng 6/2009, vợ chồng bà có xây dựng ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ khác (không có giấy phép xây dựng) trên diện tích đất của ông Lê Cảnh Q tại thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12; diện tích đất là 135 m^2 trong đó có 50 m đất ở còn lại là đất vườn; tọa lạc tại địa chỉ xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang (cũ), thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 15, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ119589 đứng tên hộ Lê Cảnh Q do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 24/02/2004, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q thì bà và ông Q chưa kết hôn, bà và ông Q kết hôn vào ngày 12/9/2004.

Năm 2005, bà Huệ có nói với bà là cho 2 con trai là Lê Cảnh Q và Lê Cảnh Vinh mỗi người 01 lô đất và bà Huệ có đưa bà giữ Giấy chứng nhận đất số Đ119589 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 24/02/2004 cho hộ ông Lê Cảnh Quang, thời điểm đó cấp giấy bà chưa kết hôn với ông Quang. Khi xây nhà vào năm 2009 thì bà và ông Q bỏ tiền ra, việc xây dựng nhà có lấn chiếm như thế nào thì bà không biết vì chính ông Nam và bà Huệ chỉ vị trí cho bà và ông Q xây dựng nhà ở.

Khoảng năm 2018, ông Lê Cảnh Vinh (em ruột của ông Quang) xây dựng nhà thì do ngôi nhà bà và ông Q xây lấn qua 0,5 m nên không thực hiện việc xây dựng được. Đến tháng 8/2019, ông Q và vợ chồng bà Huệ, ông Nam nói bà ra ký giấy tờ để dồn đất cắt lại.

Bà xác định trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Q có tạo lập được tài sản chung là ngôi nhà diện tích 91,5 m^2 có: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 tọa lạc trên thửa đất của ông Lê Cảnh Q tại thửa đất số 417, tờ bản đồ 02 được tách ra từ thửa đất số 258, địa chỉ hiện nay: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, nguồn gốc đất là ông Q nhận tặng cho từ vợ chồng ông Nam và bà Huệ, nay thửa đất đã được tặng cho lại ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ.

Bà không đồng ý với kết quả của chứng thư thẩm định giá đối với: Tổng giá trị tài sản chung là 202.501.507 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Lê Cảnh Q thì bà không đồng ý. Vì hiện nay bà không có chỗ ở ổn định để lo cho con cái học hành, bà chỉ có nguyện vọng để ba mẹ con bà ở đó đến năm các con đủ 18 tuổi thì bà sẽ giao ngôi nhà trên lại cho ông Q và 02 con chung, và bà không tranh chấp gì. Trường hợp ông Q không cho bà ở thì ông Q phải hỗ trợ cho bà khoảng từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng để đủ mua chung cư cho con bà ở. Đối với ý kiến của của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H là ông bà được nhận quyền sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ khác nêu trên tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 của ông bà tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng và thối trả lại cho ông Q và bà mỗi người số tiền là 101.250.753 đồng thì bà không đồng ý.

Tại đơn phản tố đề ngày 15/4/2021, bà yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà nêu trên và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tỷ lệ phân chia là 50%. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là 50% diện tích nhà và đất. Nếu không phân chia được bà muốn nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng toàn bộ nhà và đất, thối trả cho ông Lê Cảnh Q 50% giá trị tài sản chung để bà và con có chỗ sinh sống.

Tại phiên tòa, bà trình bày không có tranh chấp về tài sản chung và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cảnh Q cũng như ý kiến của vợ chồng ông Lê Cảnh Nam, bà Lê Thị Huệ.

***** *Trong đơn yêu cầu độc lập không đề ngày tháng năm nộp ngày 15/10/2020, bảng tự khai đề ngày 03/12/2020, đơn trình bày đề ngày 07/01/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H trình bày:*

Ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L kết hôn vào năm 2004. Trong thời kỳ hôn nhân ông Q và bà L có tạo lập được tài sản chung là ngôi nhà có: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 của vợ chồng ông bà tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, diện tích: 142,3 m^2 (trong đó đất ở là 80 m^2, đất trồng cây hàng năm khác 62,3 m^2). Ông bà đồng ý với kết quả của chứng thư thẩm định giá là tài sản chung của ông Q và bà L có giá trị 202.501.507 đồng.

Nguồn gốc đất ban đầu là của ông bà, năm 2004 do nghe có thông tin quy hoạch giải tỏa đất nên ông bà tách thửa để ông Lê Cảnh Q đứng tên. Ngày 24/02/2004, UBND huyện Hòa Vang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ119589 cho hộ Lê Cảnh Q đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 12; diện tích đất là 135 m^2 (trong đó có 50 m đất ở còn lại là đất vườn); tọa lạc tại địa chỉ xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang (cũ), thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là cấp cho hộ Lê Cảnh Q (nhưng thực tế chỉ có mình ông Lê Cảnh Quang, thời điểm này ông Q chưa kết hôn

với bà L). Năm 2009, ông Q và bà L xây dựng nhà cùng các công trình phụ khác tại thửa đất nói trên, và có lấn qua phần đất của ông bà với diện tích khoảng 9 m^2. Khoảng cuối năm 2018, ông bà có làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng do chồng thửa nên không thực hiện được. Đến khoảng tháng 8/2019, vợ chồng ông Quang, bà L tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ông bà. Tháng 10/2019 thì vợ chồng ông Q bà L ly hôn. Đến ngày 11/3/2020 thì ông bà được Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo đó thay đổi từ thửa 417 thành thửa 233, tờ bản đồ số 65; diện tích đất: 142,3 m^2 (trong đó đất ở là: 80m^2, đất trồng cây hằng năm khác: 62,3 m^2) tại địa chỉ: tổ 15, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông bà có yêu cầu độc lập là được nhận quyền sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ khác nêu trên tọa lạc trên thửa đất của ông bà tại thửa đất số 233, tờ bản đồ 65, địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông bà sẽ thanh toán lại cho ông Lê Cảnh Q 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng và thanh toán lại cho bà Trần Thị Thanh L 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng. Tuy nhiên, ngày 27/5/2021, ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H có đơn rút yêu cầu độc lập và ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giao quyền sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ nói trên cho ông bà và ông bà sẽ thối trả lại cho ông Q và bà L mỗi người 101.250.753 đồng.

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, các đương sự chưa chấp hành đúng với các quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nam và bà Huệ vắng mặt phiên hòa giải ngày 09/9/2020.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cảnh Q đối với bà Trần Thị Thanh L , chấp nhận ý kiến của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ. Giao ngôi nhà được mô tả trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2021 xây dựng trên thửa đất số 233, tờ bản đồ số 65 tại Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng cho ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H sở hữu. Ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H thối trả cho ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L mỗi người ½ giá trị ngôi nhà là 101.250.753 đồng. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị Thanh L để chia tài sản chung sau ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn*".

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Trần Thị Thanh L hiện cư trú tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ: Ngày 27/5/2021, ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H có đơn rút yêu cầu độc lập về việc nhận quyền sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ khác nêu trên tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 của ông bà tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng và tại phiên tòa, ông Nam và bà Huệ vẫn giữ nguyên yêu cầu rút. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu độc lập nêu trên của ông Nam và bà Huệ là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về tài sản chung:

[2.2.1] Nguyên đơn ông Lê Cảnh Quang, bị đơn bà Trần Thị Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh Nam, bà Lê Thị H đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân ông Q và bà L đã tạo lập được tài sản chung là: ngôi nhà có diện tích 91,5 m^2 gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H ở địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định ngôi nhà và các công trình phụ khác nêu trên là tài sản chung mà ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

[2.2.2] Về giá trị tài sản chung: Tại Chứng thư thẩm định giá thể hiện ngôi nhà có diện tích 91,5 m^2 có giá trị là 192.815.000 đồng, gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2 có giá trị là 126.665.000 đồng, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2 có giá trị là 58.995.000 đồng, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 có giá trị là 7.155.000 đồng và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là

11,87m^2 có giá trị là 2.967.500 đồng, Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 có giá trị là 6.719.006 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: 202.501.506 đồng. Đối với giá trị tài sản chung này, ông Lê Cảnh Quang, ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H thống nhất, còn bà Trần Thị Thanh L không đồng ý kết quả này. Tòa án đã giải thích và yêu cầu bà Trần Thị Thanh L thực hiện thủ tục định giá lại tài sản chung, nhưng bà Trần Thị Thanh L không thực hiện nên HĐXX không xem xét giải quyết. Vì vậy, HĐXX có căn cứ xác định tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà L có giá trị là 202.501.506 đồng.

[2.2.3] Về tỷ lệ phân chia tài sản chung: Ông Lê Cảnh Q yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50, cụ thể ông và bà L mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nam, bà Huệ thống nhất với tỷ lệ chia tài sản chung của ông Quang. Đối với bà L thì bà không có ý kiến gì, đồng thời tại đơn phản tố đề ngày 15/4/2021 thể hiện bà cũng yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50%:50%. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50%:50% của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ.

[2.3.1] Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 65, diện tích 142,3 m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở 80 m^2, đất trồng cây hằng năm khác 62,3 m^2 tọa lạc tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc là thuộc Thửa đất số 258 tờ bản đồ số 12 (Theo bản đồ VN2000 là thửa 211, tờ bản đồ số 65) của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ. Sau đó ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H đã tặng cho 1 phần diện tích là 135 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở) tại thửa đất số 258 nói trên cho ông Lê Cảnh Quang. Ông Lê Cảnh Q được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 113589 ngày 24/02/2004 đối với thửa đất 417 tờ bản đồ số 12. Năm 2019, ông Quang, bà Huệ, ông Nam thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nhưng do ông Q xây dựng nhà chồng lấn sang nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Cẩm Lệ không có cơ sở thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất được. Do đó, ông Quang, bà L tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ông Nam, bà Huệ và ông Nam, bà Huệ đã được Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 962206, theo đó thay đổi từ thửa 417 thành thửa 233, tờ bản đồ số 65; diện tích đất: 142,3 m^2 (trong đó đất ở là: 80m^2, đất trồng cây hằng năm khác: 62,3 m^2)

[2.3.2] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2021 thể hiện: Trên thửa đất số 233 tờ bản đồ 65 của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H tại địa chỉ Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng có: ngôi nhà diện tích 91,5 m^2 gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có

diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 . Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H được nhận quyền sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ khác nói trên cho ông bà và ông bà sẽ thối trả lại cho ông Q và bà L mỗi người 101.250.753 đồng là có căn cứ và phù hợp thực tế, đồng thời nguyên đơn ông Q cũng đồng ý giao quyền sở hữu tài sản chung cho ông Nam và bà Huệ sở hữu nên HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với đơn yêu cầu phản tố và ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Thanh L : Ngày 15/4/2021, bà L có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ 65 địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tỷ lệ phân chia là 50%. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là 50% diện tích nhà và đất. Nếu không phân chia được bà muốn nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng toàn bộ nhà và đất, thối trả cho ông Lê Cảnh Q 50% giá trị tài sản chung để bà và con có chỗ sinh sống. Sau khi xem xét đơn phản tố của bà Trần Thị Thanh L , Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 227/TB-TA ngày 15/4/2021 và đã thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo trên cho bà Trần Thị Thanh L vào ngày 20/4/2021, tuy nhiên hết thời hạn quy định trong tại thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nêu trên, bà L vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do đó, ngày 28/4/2021, Tòa án đã trả lại đơn phản tố cho bà L . Vì vậy, đối với yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Thanh L , HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với ý kiến: ông Q không cho bà ở thì ông Q phải hỗ trợ cho bà khoảng từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng để đủ mua chung cư cho con bà ở, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Cảnh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh Nam, bà Lê Thị H không đồng ý hỗ trợ nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng phần giá trị được hưởng nên mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 5% x 101. 250.753 đồng = 5.062.537 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 5.500.000 đồng: Ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định

tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Lê Cảnh Q đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc bà Trần Thị Thanh L phải hoàn trả cho ông Lê Cảnh Q số tiền 3.750.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 33 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 213 và 357 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cảnh Q đối với bà Trần Thị Thanh L về việc chia tài sản sau ly hôn.

1. Xác định khối tài sản chung của ông Lê Cảnh Q và bà Trần Thị Thanh L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là: Ngôi nhà có diện tích 91,5 m^2 gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 . Tài sản chung nói trên hiện đang tọa lạc trên thửa đất số 233, tờ bản đồ số 65 của ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H tại địa chỉ: Tổ 15 phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Giao ngôi nhà có diện tích 91,5 m^2 gồm: nhà mái đúc diện tích xây dựng là 51,7m^2, nhà mái lợp tôn diện tích xây dựng 34,5 m^2, nhà vệ sinh diện tích xây dựng 5,3 m^2 và các công trình phụ khác gồm: Chái sau có diện tích xây dựng là 11,87m^2; Sân, hàng rào, cổng ngõ diện tích xây dựng là 32,63 m^2 cho ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H quản lý và sở hữu. Ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Cảnh Q 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng và thanh toán lại cho bà Trần Thị Thanh L 50% giá trị tài sản chung là 101.250.753 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Cảnh Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Kể từ ngày bà Trần Thị Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị Huệ.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Ông Lê Cảnh Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 5.062.537 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001223 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Cảnh Q còn phải nộp số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 3.187.537 đồng.

- Bà Trần Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 5.062.537 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Lê Cảnh N và bà Lê Thị H số tiền án phí tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001434 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Trần Thị Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Cảnh Q số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền